

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 5 - 2023
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Sương
2. Ông Lê Minh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Hà.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022; về tranh chấp: “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trịnh Long L**, sinh năm 1979. Địa chỉ: tổ A, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).
2. *Bị đơn:* Bà **Trần Thị Bích L1 (Trần Thị Bích L2)**, sinh năm 1983. Địa chỉ: tổ A, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trịnh Long L trình bày:

Ông và bà Trần Thị Bích L1 (Trần Thị Bích L2) cưới nhau vào năm 2007; hôn nhân do quen biết tìm hiểu nhau trước, sau đó được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (huyện B cũ), tỉnh Vĩnh Long; do bà L1 đã xé và đốt Giấy chứng nhận kết hôn nên ông không xác định ngày đăng ký kết hôn. Nữ trang cưới: 10 chỉ vàng 24K; trong thời gian chung sống vợ chồng bán để chi tiêu trong gia đình, hiện nay không còn. Có 02 con chung: Trịnh Trần Bích T, sinh ngày

01/6/2008; Trịnh Trần Long G, sinh ngày 03/5/2012. Hiện các con đang sống với bà L1. Về tài sản chung: có 01 căn cấp 4 (diện tích 7m x 18m) vách xây tường, mái lợp tol, nền lót gạch men xây cất trên phần đất khoảng 120m² do cha ruột ông là ông Trịnh Long C đứng tên quyền sử dụng đất tọa lạc khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà L1 quản lý sử dụng. Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2015, nguyên nhân là do bản thân ông có người phụ nữ khác bên ngoài, nhưng sau đó đã sửa đổi, trở về chung sống với vợ con nhưng vợ chồng bắt đầu quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau; từ đó dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 7/2022 cho đến nay ông không còn sống chung với bà L1. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Bích L1; Về con chung: Trịnh Trần Bích T, sinh ngày 01/6/2008 và Trịnh Trần Long G, sinh ngày 03/5/2012, yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con; Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2023 bà Trần Thị Bích L1 trình bày:* Bà và ông Trịnh Long L cưới nhau vào năm 2007, hôn nhân do quen biết tìm hiểu nhau trước, được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An vào năm 2007. Có 02 con chung: Trịnh Trần Bích T, sinh ngày 01/6/2008; Trịnh Trần Long G, sinh ngày 03/5/2012. Quá trình chung sống bà và ông L có tạo dựng căn nhà cấp 4 (diện tích 7m x 18m) vách xây tường, mái lợp tol, nền lót gạch men xây cất trên diện tích đất khoảng 120m² do cha ruột ông L là ông Trịnh Long C đứng tên quyền sử dụng đất tọa lạc khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long hiện do bà quản lý sử dụng; vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Trong thời gian sống chung, bà và ông L sống hạnh phúc được khoảng 5 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi nhau do ông L có người phụ nữ khác bên ngoài, ông L thường xuyên bỏ nhà đi không quan tâm đến vợ con nên đôi lúc bà hay cáu gắt khó chịu nhưng bản thân bà vẫn mong ông L thay đổi quay về. Nay theo yêu cầu khởi kiện của ông L, bà không đồng ý ly hôn vì bà vẫn còn thương ông L, ông L cũng thường về nhà thăm con, quan tâm con.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2023 cháu Trịnh Trần Bích T trình bày:* cha cháu tên Trịnh Long L, mẹ cháu tên Trần Thị Bích L1. Cháu không muốn cha mẹ ly hôn, cháu muốn được sống chung cùng cha mẹ; trong trường hợp Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2023 cháu Trịnh Trần Long G trình bày:* cha cháu tên Trịnh Long L, mẹ cháu tên Trần Thị Bích L1. Cháu không muốn cha mẹ ly hôn, cháu muốn được sống chung cùng cha mẹ; trong trường hợp Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa: Các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Long L. Về quan hệ hôn nhân: ông Trịnh Long L được ly hôn bà Trần Thị Bích L1. Về con chung: giao Trịnh Trần Bích T, sinh ngày 01/6/2008 và Trịnh Trần Long G, sinh ngày 03/5/2012 cho bà L1 tiếp tục nuôi dưỡng; ông L chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở; Về quan hệ tài sản: không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí buộc ông L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trịnh Long L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Trần Thị Bích L1, bà L1 có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Long L và bà Trần Thị Bích L1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 21/6/2007 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông L là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống ông bà bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Ông bà không còn sống chung từ tháng 7/2022 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông L xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà L1, ông yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông L được ly hôn bà L1 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trịnh Trần Bích T, sinh ngày 01/6/2008 và Trịnh Trần Long G, sinh ngày 03/5/2012.

Ông L yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con. Xét thấy từ khi ông L và bà L1 không còn sống chung, bà L1 là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của các con vẫn được đảm bảo. Cháu T và cháu G có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó

Hội đồng xét xử xem xét giao hai con cho bà L1 trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên bà L1 không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: ông L và bà L1 không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trịnh Long L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trịnh Long L và bà Trần Thị Bích L1.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung: Trịnh Trần Bích T, sinh ngày 01/6/2008 và Trịnh Trần Long G, sinh ngày 03/5/2012 cho bà Trần Thị Bích L1 trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: bà L1 không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Trịnh Long L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: ông Trịnh Long L và bà Trần Thị Bích L1 không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trịnh Long L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) do ông L nộp theo biên lai thu số 0013984 ngày 23/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy ông L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã C, H. C, T. Long An.
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký và đóng dấu)

Phan Kim Ngân